

HEALTH STATUS OF FEMALE WORKERS AT GRANDOCEAN COMPANY IN BINH GIANG DISTRICT, HAI DUONG IN 2023 AND RELATED FACTORS

Cap Van Ninh*, Hoang Thanh Binh, Nguyen Duc Trong

Thang Long University - Nghiem Xuan Yem street, Hoang Mai district, Hanoi, Vietnam

Received: 25/03/2025

Revised: 27/3/2025; Accepted: 11/4/2025

ABSTRACT

Objective: The study aimed to describe the health status of female workers at Grandocean Garment Company and analyze the related factors affecting their health.

Methods: Using a cross-sectional descriptive study design with analysis, the research collected data from a sample of 450 female workers between March and November 2023. Data was analyzed using SPSS software, with multivariate regression employed to identify significant health-related factors.

Results: Among the participating workers, 78.2% had good health, with 37.3% classified as health level I and 40.9% as level II. Common health issues included dental (23.3%), genitourinary (19.1%), and eye-related illnesses (17.6%). Notable factors affecting health included age, number of children, years of experience, and lighting conditions in the workplace.

Conclusion: The study highlights significant links between female workers' health and factors such as age, number of children, work experience, and lighting conditions. These findings provide a foundation for proposing solutions to improve health for female laborers in the textile industry.

Keywords: Health status, female workers, textile.

*Corresponding author

Email: ninh.capvan.95@gmail.com **Phone:** (+84) 989606752 **https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD4.2368**

THỰC TRẠNG SỨC KHỎE CỦA NỮ CÔNG NHÂN CÔNG TY GRANDOCEAN TẠI HUYỆN BÌNH GIANG, HẢI DƯƠNG NĂM 2023 VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

Cáp Văn Ninh*, Hoàng Thanh Bình, Nguyễn Đức Trọng

Trường Đại học Thăng Long - Đường Nghiêm Xuân Yên, quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 25/03/2025

Ngày chỉnh sửa: 27/3/2025; Ngày duyệt đăng: 11/4/2025

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nghiên cứu nhằm mô tả tình trạng sức khỏe của nữ công nhân tại Công ty may Grandocean và phân tích các yếu tố liên quan ảnh hưởng đến sức khỏe của họ.

Phương pháp: Sử dụng thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích với cỡ mẫu là 450 nữ công nhân, nghiên cứu đã thực hiện thu thập dữ liệu trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 11 năm 2023. Dữ liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS và kiểm định các yếu tố ảnh hưởng sức khỏe qua phân tích hồi quy đa biến.

Kết quả: Trong số các công nhân tham gia, 78,2% có sức khỏe ở mức tốt, trong đó 37,3% đạt sức khỏe loại I và 40,9% đạt loại II. Các vấn đề sức khỏe phổ biến bao gồm bệnh răng hàm mặt (23,3%), bệnh tiết niệu - sinh dục (19,1%) và các bệnh về mắt (17,6%). Các yếu tố ảnh hưởng đáng kể đến sức khỏe gồm tuổi, số con đã sinh, thâm niên làm việc và điều kiện chiếu sáng tại nơi làm việc.

Kết luận: Nghiên cứu chỉ ra mối liên hệ giữa tình trạng sức khỏe của nữ công nhân và các yếu tố về tuổi, số con, kinh nghiệm làm việc và điều kiện ánh sáng tại chỗ làm. Các kết quả này là cơ sở để đề xuất các giải pháp cải thiện sức khỏe cho lao động nữ trong ngành dệt may.

Từ khóa: Tình trạng sức khỏe, nữ công nhân, dệt may.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Dệt may được hình thành và phát triển từ thời thượng cổ. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, điều kiện lao động của công nhân ngành công nghiệp này tại nhiều nước vẫn tồn tại nhiều yếu tố nguy cơ bất lợi đối với sức khỏe [1]. Cũng như nhiều nước đang phát triển, do đặc điểm ngành nghề, công việc, đặc thù của ngành may ở nước ta là lao động nữ, chiếm khoảng 80-90% lực lượng sản xuất [2]. Thời gian làm việc trung bình thường trên 8 giờ/ngày, nhiều khi công nhân phải làm việc tăng ca tới 10-12 giờ/ngày. Môi trường lao động của ngành may ở nước ta thường bị ô nhiễm do bụi kết hợp với vi khí hậu bất lợi [2]. Tất cả những yếu tố trên đều ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động và gây ra những căn bệnh nghề nghiệp đặc thù của ngành may như các bệnh về đường hô hấp, bệnh cơ xương khớp, bệnh da nghề nghiệp, điếc nghề nghiệp, căng thẳng và rối loạn cảm xúc [3].

Công ty trách nhiệm hữu hạn Grandocean tại tỉnh Hải Dương đóng góp to lớn vào sự phát triển ngành dệt may Việt Nam, giải quyết việc làm cho hàng trăm nhân lực tại địa phương. Tuy nhiên, thực trạng sức

khỏe người lao động vẫn còn là vấn đề cấp thiết cần được quan tâm nhằm đảm bảo nguồn lực lao động và giúp đảm bảo năng suất lao động, chất lượng thành phẩm. Câu hỏi cần đặt ra hiện nay là tình trạng sức khỏe của cán bộ, công nhân của công ty hiện đang ở mức độ nào? Những yếu tố nào có liên quan đến tình trạng sức khỏe của cán bộ, công nhân? Chính vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu thực trạng sức khỏe của nữ công nhân Công ty Grandocean tại huyện Bình Giang, Hải Dương năm 2023 và một số yếu tố liên quan.

2. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Nữ công nhân may thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Grandocean tại Hải Dương.

- Tiêu chuẩn lựa chọn: đối tượng từ 18 tuổi trở lên, là nữ lao động may trực tiếp tại các phân xưởng may, có thâm niên công tác từ 6 tháng trở lên.

- Tiêu chuẩn loại trừ: người lao động không đồng ý tham gia vào nghiên cứu; nghỉ ốm, thai sản, nghỉ tại nạn lao động việc... trong thời gian nghiên cứu.

*Tác giả liên hệ

Email: ninh.capvan.95@gmail.com Điện thoại: (+84) 989606752 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD4.2368>

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Thời gian và địa điểm nghiên cứu: nghiên cứu tiến hành từ tháng 3/2023 đến tháng 11/2023 tại Công ty trách nhiệm hữu hạn H Grandocean ở thôn Phú, xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang có phân tích.

- Cỡ mẫu nghiên cứu áp dụng theo công thức:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \times p \times (1 - p) / d^2$$

Trong đó: n là cỡ mẫu tối thiểu cần nghiên cứu; $Z_{1-\alpha/2}$ là hệ số tin cậy, ứng với độ tin cậy 95% ($\alpha = 0,05$), có $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$; p là tỉ lệ ước đoán. Do chưa có nghiên cứu tương tự được thực hiện tại các công ty may mặc trên địa bàn nên chúng tôi chọn p = 0,5 để tính cỡ mẫu; d là sai số tuyệt đối, với p = 0,5 chọn d = 0,05.

Với các tham số trên, cỡ mẫu tối thiểu cần nghiên cứu tính được theo công thức là 385 đối tượng. Tuy nhiên tổng số đối tượng nữ công nhân của công ty là 450 đối tượng, để kết hợp chặt chẽ với công tác khám sức khỏe cho người lao động, chúng tôi chọn mẫu toàn bộ 450 nữ công nhân tham gia nghiên cứu.

2.3. Phân tích và xử lý số liệu

Số liệu sau khi thu thập được làm sạch trước khi nhập liệu, số liệu được nhập bằng phần mềm Epidata 3.1 và xử lý, phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS 20.0.

2.4. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai sau khi báo cáo, được sự đồng thuận và cho phép của lãnh đạo công ty. Đối tượng nghiên cứu tự nguyện tham gia sau khi đã được giải thích rõ về mục đích và ý nghĩa của nghiên cứu. Thông tin thu thập trung thực, khách quan, được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu. Đề cương nghiên cứu được thông qua bởi Hội đồng xét duyệt đề cương Trường Đại học Thăng Long.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu (n = 450)

Đặc điểm		Số lượng	Tỉ lệ (%)
Nhóm tuổi	≤ 29 tuổi	96	21,3
	30-39 tuổi	209	46,4
	≥ 40 tuổi	145	32,2
	$\bar{X} \pm SD$	34,7 ± 12,5	
	Min-max	18-53	
Trình độ học vấn	Trung học cơ sở	113	25,1
	Trung học phổ thông	304	67,6
	≥ Trung học phổ thông	33	7,3

Kết quả tại bảng 1 cho thấy độ tuổi trung bình của công nhân là 34,7 ± 12,5 tuổi. Công nhân có tuổi nhỏ nhất là 18 và cao nhất là 53 tuổi. Nữ công nhân chủ yếu nằm trong 2 nhóm tuổi từ 30-39 (46,4%) và từ 40 tuổi trở lên (32,2%). Công nhân dưới 30 tuổi chiếm tỉ lệ thấp nhất (21,3%).

Công nhân có trình độ học vấn trung học phổ thông chiếm tỉ lệ cao nhất (67,6%), tiếp đó là công nhân có trình độ trung học cơ sở (25,1%). Công nhân có trình độ từ trung cấp trở lên chỉ chiếm 7,3%.

3.2. Tình trạng sức khỏe của đối tượng nghiên cứu

Bảng 2. Tình trạng bệnh tật của đối tượng nghiên cứu (n = 450)

Tình trạng bệnh tật	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Thể lực chung	83	18,4
Mắt	79	17,6
Tai mũi họng	68	15,1
Răng hàm mặt	105	23,3
Tâm thần - Thần kinh	28	6,2
Tuần hoàn	43	9,6
Hô hấp	51	11,3
Tiêu hóa	19	4,2
Tiết niệu - Sinh dục	86	19,1
Hệ vận động	28	6,2
Ngoài da - Da liễu	43	9,6
Nội tiết - Chuyển hóa	37	8,2
U các loại	11	2,4

Kết quả nghiên cứu cho thấy một số vấn đề sức khỏe công nhân thường gặp phải như răng hàm mặt (23,3%), tiết niệu - sinh dục (19,1%) và các bệnh về mắt (17,6%).

Bảng 3. Phân loại tình trạng sức khỏe của đối tượng nghiên cứu (n = 450)

Phân loại tình trạng sức khỏe		Số lượng	Tỉ lệ (%)
Sức khỏe tốt	Loại I	168	37,3
	Loại II	184	40,9
Sức khỏe không tốt	Loại III	96	21,3
	Loại IV	2	0,5
	Loại V	0	0

Kết quả đánh giá sau khi khám sức khỏe cho thấy, công nhân có tình trạng sức khỏe loại I chiếm 37,3%, công nhân có sức khỏe loại II chiếm 40,9%. Tuy nhiên vẫn có 21,3% công nhân có sức khỏe loại III và 2 công nhân (0,5%) có sức khỏe loại IV.

3.3. Một số yếu tố liên quan tới thực trạng sức khỏe của đối tượng nghiên cứu

Bảng 4. Hồi quy đa biến một yếu tố liên quan với tình trạng sức khỏe của đối tượng nghiên cứu (n = 450)

Yếu tố liên quan		Sức khỏe không tốt	
		OR	95%CI
Nhóm tuổi	Dưới 30 tuổi	1	1
	30-39 tuổi	1,4	(0,7-3,1)
	≥ 40 tuổi	2,1**	(1,2-4,7)
Dân tộc	Kinh	1,05	(0,5-2,2)
	Khác		
Trình độ học vấn	Trung học cơ sở	1,5	(0,5-7,0)
	Trung học phổ thông	2,02	(0,6-8,7)
	≥ Trung học phổ thông	1	1
Số con	Chưa có con	1	1
	Đang mang thai	1,7	(0,5-5,6)
	Có 1-2 con	1,72	(0,8-4,2)
	Có 3 con trở lên	2,91**	(1,1-8,4)
Vị trí công việc	Vị trí may	1,2	(0,5-2,2)
	Vị trí cắt	1,1	(0,4-2,5)
	Vị trí khác	1	1
Thâm niên làm việc	Dưới 1 năm	1	1
	1-5 năm	1,67	(0,7-3,8)
	Trên 5 năm	2,2**	(1,15-5,2)
Thời gian làm việc	8 giờ	1	1
	9-10 giờ	1,41	(0,7-2,9)
	Trên 10 giờ	1,9	(1,0-4,1)
Thời gian giải lao	Dưới 15 phút	1,1	(0,6-1,6)
	Từ 15-30 phút		
Tần suất tăng ca	Không tăng ca	1	1
	Thỉnh thoảng	1,56	(0,9-2,6)
	Thường xuyên	2,0	(1,0-3,8)
Tư thế lao động	Ngồi	1,2	(0,6-2,3)
	Đứng		
Nhịp độ công việc	Chậm	1	1
	Bình thường	1,15	(0,4-3,7)
	Nhanh	1,6	(0,5-4,8)
Tính chất công việc	Đơn điệu, lặp lại	1,5	(1,0-3,5)
	Thay đổi luân phiên		
Cảm quan về nhiệt độ	Nóng	1,1	(0,5-2,0)
	Không nóng		
Cảm quan về chiếu sáng	Thiếu sáng	1,6*	(1,1-3,0)
	Đủ sáng		

Ghi chú: *p < 0,05; **p < 0,01; ***p < 0,001.



Sau khi phân tích hồi quy đa biến, kết quả tại bảng 4 cho thấy một số yếu tố liên quan đến tình trạng sức khỏe của công nhân như tuổi (OR = 2,1; 95%CI = 1,2-4,7; $p < 0,01$); số con đã sinh (OR = 2,91; 95%CI = 1,1-8,4; $p < 0,01$); thâm niên làm việc (OR = 2,2; 95%CI = 1,15-5,2; $p < 0,01$); cảm quan về chiếu sáng (OR = 1,6; 95%CI = 1,1-3,0; $p < 0,05$). Các yếu tố còn lại không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với tình trạng sức khỏe của công nhân.

4. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu tại bảng 1 cho thấy cơ cấu tuổi của nữ công nhân Công ty Grandocean có sự phân bố không đồng đều. Cụ thể, công nhân nhóm 30-39 tuổi chiếm tỉ lệ cao nhất (46,4%), tiếp theo là nhóm tuổi dưới 30 tuổi (21,3%) và nhóm ≥ 40 tuổi (32,2%). Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Hoàng Thị Giang và cộng sự (2021), nhóm 30-39 tuổi chiếm tỉ lệ cao nhất (42,3%), tiếp theo là nhóm dưới 30 tuổi (35,4%) và nhóm tuổi ≥ 40 tuổi (22,3%) [4]. Sự tương đồng này có thể giải thích do ngành dệt may là một ngành thâm dụng lao động, yêu cầu người lao động có sức khỏe tốt và có thể làm việc trong môi trường nhà xưởng. Nhóm 30-39 tuổi thường có sức khỏe tốt và có kinh nghiệm làm việc nhiều hơn, do đó phù hợp với yêu cầu của công việc này.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy công nhân có trình độ học vấn trung học phổ thông chiếm tỉ lệ cao nhất (67,6%), tiếp đó là công nhân có trình độ học vấn trung học cơ sở (25,1%). Công nhân có trình độ từ trung cấp trở lên chỉ chiếm 7,3%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi phù hợp với kết quả của Trần Trọng Phúc (2018), trình độ học vấn của nữ công nhân may mặc tham gia nghiên cứu chủ yếu là trung học phổ thông (65,8%), tiếp theo là trung học cơ sở (28,1%) và từ trung học phổ thông trở lên (6,1%) [5]. Sự tương đồng này có thể giải thích là do ngành dệt may là một ngành công nghiệp đòi hỏi nhiều lao động phổ thông.

Thực trạng sức khỏe của nữ công nhân Công ty Grandocean ở mức tốt với 78,2% công nhân có sức khỏe tốt và 21,8% công nhân có sức khỏe chưa thực sự tốt. Cụ thể đối tượng có sức khỏe loại I chiếm 37,3%; sức khỏe loại II chiếm 40,9%; sức khỏe loại III chiếm 21,3%; sức khỏe loại IV chiếm 0,5%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn so với kết quả nghiên cứu của Hoàng Thị Giang và cộng sự với tỉ lệ công nhân may có sức khỏe tốt (loại I và II) chiếm đến 86,9%, trong đó tỉ lệ công nhân có sức khỏe loại II chiếm tới 56,3% [4]. Nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Sơn và cộng sự cho thấy tình hình sức khỏe của 400 công nhân may chủ yếu là loại II và III chiếm 78,8%; nghiên cứu này cũng chỉ ra bệnh tật chủ yếu của công nhân là tai mũi họng, răng hàm mặt, mắt, các bệnh phụ khoa và cơ xương khớp [2].

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy một số vấn đề sức khỏe mà nữ công nhân thường gặp phải như: các bệnh về răng hàm mặt (23,3%); các bệnh về tiết niệu - sinh dục (19,1%); vấn đề về thể lực chung (18,4%); các bệnh về mắt (17,6%) và các bệnh về tai mũi họng (15,1%); các vấn đề sức khỏe khác đều chiếm tỉ lệ dưới 10%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Sơn và cộng sự (2023) với tỉ lệ bệnh răng hàm mặt chiếm 6,8%; bệnh thần kinh chiếm 2,1% và các bệnh về mắt chiếm 14,4% [2].

Ngoài những nghiên cứu kể trên tại Việt Nam, kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng phù hợp với kết quả của một số nghiên cứu trên thế giới. Kết quả nghiên cứu của Kristin Emanuelsen (2020) cho thấy, tỉ lệ mắc bệnh răng hàm mặt ở nữ công nhân may mặc trên thế giới là 20,9%, tỉ lệ mắc bệnh tâm thần - thần kinh là 7,2%, tỉ lệ mắc bệnh tiết niệu - sinh dục là 17,7% [7]. Kết quả nghiên cứu của Flouris A.D và cộng sự (2018) cho thấy, tỉ lệ mắc bệnh mắt ở nữ công nhân may mặc là 17,2%, tỉ lệ mắc bệnh tai mũi họng là 14,5%, tỉ lệ mắc bệnh hô hấp là 12,7% [8].

Sau khi phân tích hồi quy đa biến, kết quả cho thấy một số yếu tố liên quan đến tình trạng sức khỏe của công nhân như tuổi (OR = 2,1; 95%CI = 1,2-4,7; $p < 0,01$); số con đã sinh (OR = 2,91; 95%CI = 1,1-8,4; $p < 0,01$); thâm niên làm việc (OR = 2,2; 95%CI = 1,15-5,2; $p < 0,01$); cảm quan về chiếu sáng (OR = 1,6; 95%CI = 1,1-3,0; $p < 0,05$). Các yếu tố còn lại không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với tình trạng sức khỏe của công nhân. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi phù hợp với kết quả của một số nghiên cứu khác đã công bố. Cụ thể, nghiên cứu của Phạm Trần Nam Phương (2019) cho thấy, kết quả phân tích đa biến cũng ghi nhận các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng sức khỏe của đối tượng nghiên cứu như tuổi (OR = 1,9; 95%CI = 1,3-2,9; $p < 0,05$) và thâm niên làm việc (OR = 2,6; 95%CI = 1,4-5,7; $p < 0,05$) [9]. Kết quả hồi quy đa biến trong nghiên cứu của Gahlot N và cộng sự (2017) tại Ấn Độ cũng chỉ ra các yếu tố liên quan đến tình trạng sức khỏe của đối tượng nghiên cứu như tuổi, số năm làm việc và môi trường làm việc không đảm bảo [10].

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu thực trạng sức khỏe người lao động tại Công ty Grandocean tại huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương năm 2023 cho thấy thực trạng sức khỏe của nữ công nhân với 78,2% có sức khỏe loại tốt. Một số vấn đề sức khỏe công nhân thường gặp phải như: các bệnh về răng hàm mặt (23,3%); các bệnh về tiết niệu - sinh dục (19,1%); vấn đề về thể lực chung (18,4%) và các bệnh về mắt (17,6%).

Một số yếu tố liên quan đến tình trạng sức khỏe của nữ công nhân: tuổi từ 40 trở lên có tỉ lệ sức khỏe không tốt cao hơn 2,1 lần so với người dưới 30 tuổi (OR = 2,1;

95%CI = 1,2-4,7; $p < 0,01$). Công nhân có 3 con trở lên sức khỏe không tốt cao hơn 2,91 lần đối tượng chưa sinh con (OR = 2,91; 95%CI = 1,1-8,4; $p < 0,01$). Công nhân có thâm niên làm việc trên 5 năm sức khỏe không tốt cao hơn 2,2 lần đối tượng làm việc dưới 1 năm (OR = 2,2; 95%CI = 1,15-5,2; $p < 0,01$). Công nhân cảm thấy vị trí làm việc thiếu sáng có sức khỏe không tốt cao hơn 1,6 lần đối tượng cảm thấy vị trí làm việc đủ ánh sáng (OR = 1,6; 95%CI = 1,1-3,0; $p < 0,05$).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hoàng Thị Thúy Hà, Thực trạng môi trường, sức khỏe, bệnh tật ở công nhân may Thái Nguyên và hiệu quả một số giải pháp can thiệp, Luận án tiến sĩ y học, Đại học Thái Nguyên, 2015.
- [2] Nguyễn Ngọc Sơn, Bùi Hoài Nam, Thực trạng sức khỏe của nữ công nhân may Công ty Seyang Corporation Việt Nam tại tỉnh Hà Nam năm 2022 và một số yếu tố liên quan, Tạp chí Y học Việt Nam, 2023, 528 (1): 226-231.
- [3] Bộ môn Sức khỏe nghề nghiệp, Đại học Y Hà Nội, Sức khỏe nghề nghiệp (sách đào tạo bác sĩ y học dự phòng), 2017.
- [4] Hoàng Thị Giang, Lê Tuấn Anh, Vũ Hải Vinh, Phạm Minh Khuê, Thực trạng điều kiện lao động và sức khỏe công nhân ngành may tại Công ty TNHH Haivina Kim Liên, Nghệ An năm 2020, Tạp chí Y học Việt Nam, 2021, 503 (1): 126-132.
- [5] Trần Trọng Phúc, Thực trạng môi trường lao động và sức khỏe người lao động Công ty may UNICO Global YB Yên Bái năm 2018, Luận văn thạc sĩ y học dự phòng, Trường Đại học Y Hà Nội, 2018.
- [6] Hoàng Thị Minh Hiền, Nguyễn Thị Vinh, Nguyễn Bích Liên, Thực trạng sức khỏe công nhân Công ty cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội năm 2009, Viện Khoa học An toàn và Vệ sinh lao động, <https://vniosh.vn/thuc-trang-suc-khoe-cong-nhan-cong-ty-co-phan-det-cong-nghiep-ha-noi-2009/>
- [7] Emanuelsen K, Sewing and Inuit women's health in the Canadian Arctic. Social Science & Medicine, 2020, 265, 113523.
- [8] Flouris A.D, Dinas P.C, Ioannou L.G et al, Workers' health and productivity under occupational heat strain: a systematic review and meta-analysis, Lancet Planet Health, 2018, 2 (12), e521-e531.
- [9] Phạm Trần Nam Phương, Nghiên cứu thực trạng môi trường lao động, tình trạng sức khỏe của nhân viên Công ty cổ phần Sadico Cần Thơ năm 2018, Luận văn thạc sĩ y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, 2019.
- [10] Gahlot N, Mehta M, Singh K, Occupational Health Problems among Female Sewing Machine Operators, Indian Journal of Health and Wellbeing, 2017, 8 (2): 122-126.

